

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày 26-3-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyết

2. Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 58/2024/DS-ST ngày 09/12/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1964, nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1978, nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vũ Văn N, sinh năm 1972; nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

+ Ông Vũ Văn T, sinh năm 1960; nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà M và ông T có mặt, bà D và ông N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là bà Phan Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà cho bà Đoàn Thị D vay tiền, vàng cụ thể như sau: Lần 1, ngày 24/8/2017 âm lịch, bà D vay 30 triệu đồng, thời hạn 06 tháng. Lần 2, ngày 28/02/2018 âm lịch, bà D vay thêm 20 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Cả 02 lần vay, bà D đều là người nhận tiền và vàng. Việc vay mượn có giấy biên nhận do bà D viết. Vì cho vay với mục đích để giúp đỡ bà D nên bà không lấy lãi. Tuy nhiên, khi đến vay lần thứ 2, bà D là người đề xuất trả lãi của 30 triệu đồng vay lần 1 là 13.000 đồng/1 triệu/ tháng. Bà D đã trả cho bà 2.100.000 đồng tiền lãi và 10 triệu đồng tiền gốc. Bà có nói với bà D đây là tiền bà để dành thay chân giả, khi nào bà cần thì bà D phải trả cho bà. Bà D còn nợ bà tổng số tiền là 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Từ đó đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền cho bà nhưng bà D cố tình không trả. Vì vậy, bà đề nghị Toà án nhân dân (TAND) huyện T buộc vợ chồng bà Đoàn Thị D và ông Vũ Văn N phải trả cho bà tổng số tiền là 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Về lãi suất, bà yêu cầu lãi suất đối với khoản tiền 40 triệu đồng là 10%/năm tính từ ngày 15/3/2018 dương lịch. Bà không yêu cầu lãi suất đối với 04 chỉ vàng 99,99%. Lý do bà yêu cầu cả bà Đoàn Thị D và ông Vũ Văn N phải có trách nhiệm trả nợ cho bà vì khi vay bà D nói vay mục đích kinh doanh gia đình. Tại giấy biên nhận vay tiền, bà D đều ghi cả tên vợ chồng trong giấy biên nhận. Vì vậy, ông N cũng phải có trách nhiệm cùng bà D trả nợ cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025, bị đơn là bà Đoàn Thị D, người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn N trình bày:

Gia đình bà đã nhận được các thông báo, giấy triệu tập của Toà án về việc bà Phan Thị M có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà. Vì điều kiện công việc nên vợ chồng bà không đến Toà án trình bày quan điểm. Bà xác nhận bà có vay bà M tổng số tiền là 50 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Bà đã trả được 10 triệu đồng tiền gốc. Hiện tại bà còn nợ bà M tổng số tiền là 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Các giấy tờ vay tiền mà bà M cung cấp cho Toà án làm căn cứ khởi kiện đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Bà vẫn có nguyện vọng trả nợ cho bà M. Tuy nhiên, vì bị vỡ nợ nên bà không có kinh tế để trả cho bà M. Bà đã xin được trả dần nhưng bà M không đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì bà đồng ý nhưng vì điều kiện kinh tế nên bà xin được trả dần. Bà xác định, việc vay tiền và vàng của bà M là việc của cá nhân bà, không liên quan đến ông N. Ông N cũng không biết việc vay tiền vàng của bà và không liên quan đến việc này. Bà đề nghị Toà án không đưa ông N tham gia tố tụng tại Toà án. Vì điều kiện công việc nên vợ chồng bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hoà giải và phiên toà xét xử các cấp.

Tại đơn đề nghị ngày 20/12/2024, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T trình bày: Ông đồng ý với ý kiến của vợ ông là bà Phan Thị M đã

trình bày. Ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà:

Bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không buộc bà D phải trả lãi suất của số tiền 40.000.000 đồng và không yêu cầu ông Vũ Văn N phải có trách nhiệm cùng bà D trả nợ cho bà. Bà đề nghị TAND huyện Trục Ninh buộc bà Đoàn Thị D phải trả cho bà tổng số tiền là 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Bà không yêu cầu lãi suất đối với 04 chỉ vàng 99,99% và lãi suất của số tiền 40.000.000 đồng.

Ông T đồng ý với ý kiến của bà M, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 70; 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 70; 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc Tòa án mở phiên tòa khi bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Căn cứ các điều 357, 463; 466; 468, 469 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị M, buộc bà Đoàn Thị D phải trả cho bà Phan Thị M tổng số nợ gốc là 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99% (căn cứ giá vàng ngày 26/3/2025). Căn cứ vào Điều 5, 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn xin thi hành nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị D, sinh

năm 1978, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị M và ông Vũ Văn T đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị D và ông Vũ Văn N vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc Tòa án mở phiên tòa khi bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị D và ông Vũ Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án

Ngày 24/8/2017 bà M cho bà D vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 28/02/2018 (ngày 13/4/2018 dương lịch) bà M tiếp tục cho bà D vay số tiền 20.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Tổng cộng bà M cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Bà D đã trả cho bà M 10.000.000 đồng. Bà Phan Thị M đề nghị TAND huyện Trực Ninh buộc bà Đoàn Thị D phải trả cho bà tổng số tiền là 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 99,99%. Bà không yêu cầu lãi suất đối với 04 chỉ vàng 99,99%.

Tại giấy biên nhận vay tiền có ghi là bà Đoàn Thị D và ông Vũ Văn N, tuy nhiên người ký chỉ có bà Đoàn Thị D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025 bà D thừa nhận vay của bà M số tiền, vàng trên cho mục đích cá nhân không liên quan đến ông N, bà D khẳng định chữ ký, chữ viết trong các giấy biên nhận tiền do bà M cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Tại phiên tòa bà M rút yêu cầu buộc cả ông N phải trả số tiền, vàng cho bà và không yêu cầu bà D trả lãi số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

HĐXX xét thấy: Tại thời điểm ký giấy biên nhận vay tiền và văn bản chốt nợ, bà M, bà D có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bà D thừa nhận chữ ký, chữ viết, số nợ trong giấy biên nhận vay tiền và văn bản chốt nợ mà bà M cung cấp cho Tòa án là của mình. Bà D cũng đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Nội dung văn bản (Hợp đồng) không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, giấy biên nhận vay tiền nêu trên là hợp pháp, các bên tham gia ký kết đều phải có

nghĩa vụ tôn trọng thực hiện nên yêu cầu của bà M có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

HĐXX căn cứ vào giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 26/3/2025 là 9.780.000 đồng/01 chỉ vàng 99,99% (tham khảo tại bảng giá vàng của B.vn) làm căn cứ xét xử và tính án phí.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn xin thi hành nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án, bà M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng + 39.120.000 (4 chỉ vàng 99,99% x 9.780.000 đồng) đồng = 79.120.000 x 5% = 3.956.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 357; 463; 466; 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Đoàn Thị D:

Buộc bà Đoàn Thị D phải trả cho bà Phan Thị M số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và 04 chỉ vàng 99,99% tương đương số tiền 39.120.000 đồng (Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/3/2025, giá vàng trung bình giữa mua và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 99,99% được xác định là 9.780.000 đồng/01 chỉ vàng); Tổng cộng bà Đoàn Thị D phải trả cho bà M số tiền 79.120.000 (bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phan Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Đoàn Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị D phải nộp 3.956.000 (ba triệu chín trăm lăm mươi sáu nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

Vũ Hoàng Giang

